

DANH MỤC NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN (cập nhật 12.2025)

Stt		Mã ngành	Ngành/ Chuyên ngành	Mã ngành	Khối ngành	Lĩnh vực	Nhóm ngành	Ghi chú
1		8440103	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	8440103	IV	Khoa học tự nhiên	Khoa học vật chất	
2		8440110	Quang học	8440110	IV	Khoa học tự nhiên	Khoa học vật chất	
3		844010501	Vật lý vô tuyến và Điện tử - Chuyên ngành: Vật lý Ứng dụng	844010501	IV	Khoa học tự nhiên	Khoa học vật chất	tạm dừng từ 2024
4		8440106	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	8440106	IV	Khoa học tự nhiên	Khoa học vật chất	
5		8440111	Vật lý địa cầu	8440111	IV	Khoa học tự nhiên	Khoa học vật chất	
6		8440228	Hải dương học	8440228	IV	Khoa học tự nhiên	Khoa học trái đất	
7		8440222	Khí tượng khí hậu học	8440222	IV	Khoa học tự nhiên	Khoa học trái đất	
8		8440112	Hóa học	8440112	IV	Khoa học tự nhiên	Khoa học vật chất	
9		8440114	Hóa hữu cơ	8440114	IV	Khoa học tự nhiên	Khoa học vật chất	
	1	844011401	Hóa hữu cơ- Chuyên ngành: Giảng dạy hóa học thực nghiệm	844011401	IV	Khoa học tự nhiên	Khoa học vật chất	tạm dừng từ 2026
10		8440118	Hóa phân tích	8440118	IV	Khoa học tự nhiên	Khoa học vật chất	tạm dừng từ 2022
11		8440119	Hóa lý thuyết và hóa lý	8440119	IV	Khoa học tự nhiên	Khoa học vật chất	tạm dừng từ 2022
12		8440113	Hóa vô cơ	8440113	IV	Khoa học tự nhiên	Khoa học vật chất	tạm dừng từ 2022
13		8420114	Sinh học thực nghiệm	8420114	IV	Khoa học sự sống	Sinh học	
	2	842011401	Sinh học thực nghiệm - Chuyên ngành: Sinh lý thực vật	842011401	IV	Khoa học sự sống	Sinh học	
	3	842011402	Sinh học thực nghiệm - Chuyên ngành: Sinh lý động vật	842011402	IV	Khoa học sự sống	Sinh học	
	4	842011403	Sinh học thực nghiệm - Chuyên ngành: Giảng dạy sinh học thực nghiệm	842011403	IV	Khoa học sự sống	Sinh học	
14		8420116	Hóa sinh học	8420116	IV	Khoa học sự sống	Sinh học	

Stt		Mã ngành	Ngành/ Chuyên ngành	Mã ngành	Khối ngành	Lĩnh vực	Nhóm ngành	Ghi chú
15		8420107	Vi sinh vật học	8420107	IV	Khoa học sự sống	Sinh học	
16		8420120	Sinh thái học	8420120	IV	Khoa học sự sống	Sinh học	
17		8420121	Di truyền học	8420121	IV	Khoa học sự sống	Sinh học	
18		8420201	Công nghệ sinh học	8420201	IV	Khoa học sự sống	Sinh học ứng dụng	
19		8440201	Địa chất học	8440201	IV	Khoa học tự nhiên	Khoa học trái đất	
20		8440301	Khoa học môi trường	8440301	IV	Khoa học tự nhiên	Khoa học môi trường	
21		8440122	Khoa học vật liệu	8440122	IV	Khoa học tự nhiên	Khoa học vật chất	
22		8440102 (a1)	Công nghệ bán dẫn	8440102	IV	Khoa học tự nhiên	Khoa học vật chất	
23		8449001 (a1)	Khoa học tích hợp	8449001	IV	Khoa học tự nhiên	Khoa học vật chất	
24		8480101	Khoa học máy tính	8480101	V	Máy tính và Công nghệ thông tin	Máy tính	
25		8480104	Hệ thống thông tin	8480104	V	Máy tính và Công nghệ thông tin	Máy tính	
26		8480107	Trí tuệ nhân tạo	8480107	V	Máy tính và Công nghệ thông tin	Máy tính	
27		8460102	Toán giải tích	8460102	V	Toán và thống kê	Toán học	
28		8460104	Đại số và lý thuyết số	8460104	V	Toán và thống kê	Toán học	
29		8460106	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	8460106	V	Toán và thống kê	Toán học	
30		8460112	Toán ứng dụng	8460112	V	Toán và thống kê	Toán học	
	5	846011202	Toán ứng dụng - Chuyên ngành: Giáo dục toán học	846011202	V	Toán và thống kê	Toán học	
31		8460110	Cơ sở toán học cho tin học	8460110	V	Toán và thống kê	Toán học	
32		8460108	Khoa học dữ liệu	8460108	V	Toán và thống kê	Toán học	
33		8520401	Vật lý kỹ thuật	8520401	V	Kỹ thuật	Vật lý kỹ thuật	
	6	852040101	Vật lý kỹ thuật - Chuyên ngành: Giảng dạy vật lý thực nghiệm	852040101	V	Kỹ thuật	Vật lý kỹ thuật	
34		8520203	Kỹ thuật điện tử	8520203	V	Kỹ thuật	Kỹ thuật, điện tử và viễn thông	

Stt		Mã ngành	Ngành/ Chuyên ngành	Mã ngành	Khối ngành	Lĩnh vực	Nhóm ngành	Ghi chú
	7	852020302	Kỹ thuật điện tử - Chuyên ngành: Vi điện tử và thiết kế vi mạch	852020302	V	Kỹ thuật	Kỹ thuật, điện tử và viễn thông	
	8	852020301	Kỹ thuật điện tử - Chuyên ngành: Điện tử - Viễn thông - Máy tính	852020301	V	Kỹ thuật	Kỹ thuật, điện tử và viễn thông	
35		8520202 (a1)	Thiết kế vi mạch	8520201	V	Kỹ thuật	Kỹ thuật, điện tử và viễn thông	thí điểm 2026
36		8520501	Kỹ thuật Địa chất	8520501	V	Kỹ thuật	Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa	tạm dừng từ năm 2024
37		8850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	8850101	VII	Môi trường và bảo vệ môi trường	Quản lý tài nguyên và môi trường	

(Đã bỏ 2 ngành ThS: hình học tôpô; Khoáng vật học